

# ÔN TẬP CHƯƠNG II PHẦN SỐ HỌC ( PHẦN I)

## DẠNG I: SO SÁNH SỐ NGUYÊN

### Bài 1: So sánh

a)  $4 \square 6$       b)  $-9 \square 8$       c)  $-10 \square -20$       d)  $|-30| \square |+30|$

### Bài 2: Xếp các số sau theo thứ tự giảm dần

- a)  $-200; 0; -2001; 200; 1$   
b)  $0; 390; -1908; -2020; |-3000|$

### Bài 3: Xếp các số sau theo thứ tự tăng dần

- a)  $-2001; 0; 200; -1200; -10$   
b)  $0; -490; 1908; -2020; |-3000|$

## DẠNG II: THỰC HIỆN PHÉP TÍNH

### Bài 1: Tính

- a)  $(-27) + (-52) - (-4)$       b)  $50 - 87 + (-36)$       c)  $(-78) + 87 - (-39)$   
d)  $(-45) : 5 + (-8).(-7)$       e)  $45 : (-9) + 9.(-5)$       f)  $(-2)^3 - 160^0 + |-30|$   
g)  $[6 + (-20)].(-3) - (-298)^0$       h)  $9.[(-2) + (-18)] - |-25|$       i)  $(-4)^2 + (-3)^3 - (12-18)^2$

### Bài 2: Tính

- a)  $[316 - (25 \cdot 4 + 16)] : 8 - 24$   
b)  $[(-4)^2 \cdot (-2) + (-2)^3 \cdot 8 - 8 \cdot (-2) \cdot (-3)] : (200 - |+196|)$   
c)  $[(-47+45)^2 + (-3)^3 \cdot 5 - 51 \cdot (-3)] : (2019 - |-2018|)$   
d)  $[(27-29)^2 + (-3)^3 \cdot 8 - 12 \cdot (-5)] : [-2020 - (-2016)]$   
e)  $[(-50) : (-5) \cdot (-7) + (27 - 29)^3 \cdot (-15) - |-4|^2] : [3 - (-2020)^0]$

## DẠNG III: TÍNH NHANH

### Bài 1: Tính hợp lí

- a)  $18 \cdot (-2) \cdot (-25) \cdot (-50) \cdot (-4)$   
b)  $(-25) \cdot (-5) \cdot (-4) \cdot (-20) \cdot (-179)$   
c)  $125 \cdot 5 \cdot (-8) \cdot (-189) \cdot (-20)$   
d)  $(-36) \cdot (-5) \cdot (-125) \cdot 200 \cdot (-8)$   
e)  $(-4) \cdot (-51) \cdot (-125) \cdot (-25) \cdot (-8)$

### Bài 2: Tính hợp lí

- a)  $567 + (187 - 567)$   
b)  $452 - (670 + 452)$   
c)  $162 - (605 - 38)$   
d)  $-246 + (-123 - 54)$

### Bài 3: Tính hợp lí

- a)  $(136 - 458) - (136 - 158)$   
b)  $(225 - 457) - (125 - 357)$   
b)  $(407 - 589) - (507 - 989)$   
c)  $(432 - 39) - (532 + 161)$   
d)  $(164 - 567) - (864 + 333)$

*\*Lưu ý:*

- **Bỏ ngoặc đằng trước có dấu trừ thì phải đổi dấu các số hạng trong ngoặc. Bỏ ngoặc đằng trước có dấu cộng thì giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc**  
 - **Khi nhóm các số hạng hợp lý trong một tổng, để tránh nhầm lẫn ta nên đặt khoảng cách giữa hai ngoặc là dấu cộng, ngoài ngoặc số hạng có dấu gì thì ta cho vào trong ngoặc dấu đó.**  
**VD:**

$$\begin{aligned} a) & (136 - 458) - (136 - 158) \\ & = 136 - 458 - 136 + 158 \\ & = (136 - 136) + (-458 + 158) \\ & = 0 + (-300) \\ & = -300 \end{aligned}$$

#### **Bài 4:** Tính hợp lý

- a)  $35.20 + 35.39 - 57.(-41) - 22.41$   
 b)  $54.30 + 54.42 - 68.(-28) - 14.28$   
 c)  $(-72).(-45) - 61.72 + 16.(-27) - 16$   
 d)  $62.(-105) - 10.(-62) - 95.37 - 95$

**\*Lưu ý:** Khi đổi dấu một thừa số thì tích đổi dấu. Khi đổi dấu hai thừa số thì tích không thay đổi

**Áp dụng nhận xét trên để làm bài 4, ta sẽ đổi dấu hai thừa số trong tích để xuất hiện thừa số chung.**

**VD:**

$$\begin{aligned} a) & 35.20 + 35.39 - 57.(-41) - 22.41 \\ & = 35.20 + 35.39 + 57.41 - 22.41 \quad (\text{Ta đã đổi dấu hai thừa số trong tích } -57.(-41) = 57.41) \\ & = 35.(20 + 39) + 41.(57 - 22) \\ & = 35.59 + 41.35 \\ & = 35.(59 + 41) \\ & = 35.100 \\ & = 3500 \end{aligned}$$

#### **Bài 5:** Tính hợp lý

- a)  $38.(37-59)-37.(38-59)$   
 b)  $78.(68-89)-68.(78-89)$   
 c)  $57.(67-88)-67.(57-88)$   
 d)  $138.(137-159)-137.(138-159)$   
 e)  $358.(357-119)-357.(358-119)$

**\*Lưu ý:**

- **Ta áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng  $a.(b+c) = a.b + a.c$  để làm bài 5**

**VD:** a)  $38.(37-59) - 37.(38-59)$

$$\begin{aligned} & = 38.37 - 38.59 - 37.38 + 37.59 \\ & = (38.37 - 37.38) + (-38.59 + 37.59) \\ & = 0 + 59.(-38 + 37) \\ & = 0 + 59.(-1) \\ & = 0 + (-59) \\ & = (-59) \end{aligned}$$